TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 779/2026/DS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Ông Lâm Triệu Hữu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2026/TLPT-DS ngày 13/7/2026 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2026/DS-ST ngày 03/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 728/2026/QĐXXPT-DS ngày 14/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ông Từ Huỳnh Anh Trường G, sinh năm 1990

Địa chỉ: G D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Như Ý, sinh năm 1992. Địa chỉ: E A, khu phố P, phường A, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: A Đ, phường B, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt)

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: 1 P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi làm việc: Công ty T2, địa chỉ: số A Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long, (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà B Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông T1 Huỳnh Anh Trường G và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Như Ý, trình bày:*

Vào ngày 16/5/2022, ông có giao cho bà Nguyễn Thị T số tiền 700.000.000 đồng để bà T sử dụng vào việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm: thửa đất số 970, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.128,2m² và thửa đất số 971, tờ bản đồ số 24, diện tích 200m², tọa lạc tại xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ban đầu, ông và bà T có thỏa thuận góp vốn để cùng nhận chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên, nên hai bên có lập "Hợp đồng đặt cọc" ngày 16/5/2022. Tuy nhiên, sau đó hai bên không thống nhất được việc góp vốn mua đất nên đã thỏa thuận chuyển số tiền 700.000.000 đồng mà ông đã giao cho bà T thành khoản tiền cho vay.

Để xác nhận việc vay tiền, ngày 17/5/2022, bà Nguyễn Thị T có lập "Giấy nhận nợ" đối với số tiền nêu trên. Hai bên thỏa thuận khi bà T chuyển nhượng được đất thì sẽ hoàn trả lại số tiền đã vay cho ông.

Đến khoảng tháng 02 năm 2025, ông được biết bà T đã đem hai thửa đất nêu trên cầm cố cho người khác để vay tiền phục vụ hoạt động kinh doanh nhưng không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã vay cho ông.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông số tiền gốc 700.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, cụ thể: ông chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 700.000.000 đồng kể từ ngày khởi kiện (15/9/2025) đến ngày xét xử (03/4/2026) theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng thời gian 06 tháng 18 ngày, số tiền lãi là 38.346.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán là 738.346.000 đồng (bảy trăm ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/9/2025 của nguyên đơn ông T1 Huỳnh Anh Trường G, bà có lập "Giấy nhận nợ" ngày 17/5/2022 với nội dung vay số tiền 700.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng đất tại xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; hai bên có thỏa thuận sau khi bà chuyển nhượng đất cho người khác thì sẽ hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

Thứ nhất, về thời hạn trả nợ: Theo "Giấy nhận nợ" ngày 17/5/2022, các bên đã thỏa thuận thời điểm trả tiền là khi bà chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên cho người khác. Tuy nhiên, đến nay bà vẫn là người đứng tên quyền sử dụng đất, chưa thực hiện việc chuyển nhượng cho bất kỳ ai. Việc nguyên đơn cho

rằng bà đã cầm cố đất để vay tiền không đồng nghĩa với việc đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do đó, theo thỏa thuận giữa các bên, nghĩa vụ trả nợ chưa đến hạn. Việc nguyên đơn khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét trả lại đơn khởi kiện theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thứ hai, về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và yêu cầu tính lãi. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người khởi kiện biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Tính từ ngày 17/5/2022 đến ngày 17/5/2025 là hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2025, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu. Do đó, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định nguyên đơn không còn quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Qua đối chiếu, nhận thấy chữ ký của nguyên đơn trong đơn khởi kiện và chữ ký trong "Giấy nhận nợ" ngày 17/5/2022 có sự khác biệt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá lại tính xác thực của tài liệu này; đồng thời cho rằng chưa có đủ cơ sở vững chắc để xác định giao dịch vay tài sản giữa các bên như nguyên đơn trình bày.

Từ các căn cứ nêu trên, bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2026/DS-ST ngày 03/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Từ Huỳnh Anh Trường G số tiền 738.346.000 đồng, gồm tiền gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi: 38.346.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, chi phí tố tụng; án phí sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/4/2026, bị đơn Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: bà T có nghĩa vụ trả cho ông G 700.000.000 đồng tiền vay gốc, không tính lãi, bà T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã chấp

hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 03/4/2026 Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm, ngày 16/4/2026 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo là còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Bà T thừa nhận có vay của ông G 700.000.000đ và viết giấy mượn nợ vào ngày 17/5/2023. Theo thỏa thuận tại giấy mượn nợ thì "sau khi bà T chuyển nhượng đất cho người khác sẽ hoàn trả cho ông G số tiền 700.000.000 đồng". Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: bà T có nghĩa vụ trả cho ông G 700.000.000 đồng, bà T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Xét sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: 32.000.000 đồng bà T tự nguyện chịu toàn bộ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: bà T phải chịu toàn bộ là 300.000 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2026/DS-ST ngày 03/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Từ Huỳnh Anh Trường G số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T chịu 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Từ Huỳnh Anh Trường G tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.385.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003758 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008385 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 -VL;
-PGĐKTTT&THA TANDTVL;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự; Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Chi